ĐƠN VỊ DỰ THI TỈNH KIÊN GIANG

= = = = =ꕥ📖ꕥ = = = =

BÀI DỰ THI

TÌM HIỂU PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

Họ và tên người dự thi: Nguyễn Phương Huỳnh

Ngày tháng năm sinh: 13/02/1991

Số căn cước công dân (hoặc số CMT): 371566456

Địa chỉ: 218/32 Ngô Quyền, P. Vĩnh Bảo, TP. Rạch Giá, tỉnh KG

Đơn vị công tác: Cảng vụ Hàng hải Kiên Giang

Số điện thoại liên hệ: 0913.403.463

Kiên Giang, tháng 9/2021

BÀI DỰ THI
TÌM HIỂU PHÁP LUẬT VỀ PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

Họ và tên người dự thi: Nguyễn Phương Huỳnh

Ngày tháng năm sinh: 13/02/1991

Số căn cước công dân (hoặc số CMT): 371566456

Địa chỉ: 218/32 Ngô Quyền, phường Vĩnh Bảo, TP Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

Đơn vị công tác: Cảng vụ Hàng hải Kiên Giang

A. PHẦN THI TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 có hiệu lực thì hành khi nào?

A. 01/7/2019

B. 20/11/2018

C. 04/12/2018

D. 23/11/2019.

Câu 2. Những quy định mới của Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018 là?

A. Phòng, chống tham nhũng khu vực ngoài nhà nước

B. Kiểm soát xung đột lợi ích

C. Quy định về cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập

D. Cả 3 phương án trên.

Câu 3. Hành vi tham nhũng có thể xảy ra ở đâu?

A. Trong cơ quan, tổ chức của nhà nước

B. Trong cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực nhà nước và doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước

C. Trong cơ quan nhà nước và doanh nghiệp nhà nước

D. Trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước.

Câu 4. Có bao nhiêu hành vi tham nhũng trong khu vực nhà nước?

A. 03 hành vị

B. 05 hành vi

C. 07 hành vi

D. 12 hành vi

Câu 5. Trong số những hành vi sau đây, hành vi nào không phải hành vi tham nhũng?

A. Giả mạo trong công tác vì vụ lợi

B. Công chức lừa đảo chiếm đoạt tài sản

C. Công chức nhũng nhiễu vì vụ lợi

D. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn sử dụng trái phép tài sản công vì vụ lợi.

Câu 6. Hành vi nhận tiền, sửa điểm thi là hành vi nào trong số các hành vi sau đây?

A. Gian lận trong thi cử

B. Nhận hối lộ

C. Tiêu cực

D. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành nhiệm vụ, công vụ vì vụ lợi.

Câu 7. Tài sản tham nhũng là tài sản nào sau đây?

A. Tài sản do tham ô mà có

B. Tải sản có được từ hành vi tham nhũng, có nguồn gốc từ hành vi tham nhũng

C. Tài sản do nhận hối lộ mà có

D. Cả ba trường hợp trên.

Câu 8. Kế toán trưởng của công ty tư nhân làm sai lệch hóa đơn, chứng từ để rút tiền của công ty là hành vi gì?

A. Trộm cắp

B. Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản

C. Tham ô

D. Biển thủ.

Câu 9. Nội dung giải trình khi có yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân?

A. Cơ sở pháp lý của việc ban hành quyết định

B. Thẩm quyền ban hành quyết định

C. Nội dung của quyết định

D. Cả ba phương án trên.

Câu 10. Người có chức vụ, quyền hạn không bị cấm việc nào sau đây?

A. Thành lập, tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp tư nhân

B. Mua cổ phần, góp vốn vào doanh nghiệp tư

C. Sử dụng trái phép thông tin của cơ quan, tổ chức, đơn vị

D. Những nhiễu trong giải quyết công việc.

Câu 11. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị không bị cấm làm việc nào sau đây?

A. Tuyển dụng con, anh, chị, em ruột vào cơ quan, tổ chức, đơn vị mình

B. Bổ nhiệm vợ (chồng), con giữ chức vụ quản lý về tổ chức nhân sự

C. Bố trí vợ (chồng), con, anh, chị, em ruột làm kế toán trưởng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị mình

D. Làm thủ quỹ trong cơ quan, tổ chức, đơn vị mình.

Câu 12. Người có chức vụ, quyền hạn không được nhận quà tặng nào dưới đây của tổ chức, cá nhân có liên quan đến công việc do mình giải quyết hoặc thuộc phạm vi quản lý của mình?

A. Từ 5 trăm nghìn đồng trở lên

B. Từ 2 triệu đồng trở lên

C. Từ 10 triệu đồng trở lên

D. Không được nhận.

Câu 13. Người được giao thực hiện nhiệm vụ công vụ nếu biết nhiệm vụ công vụ được giao có xung đột lợi ích thì cần ứng xử như thế nào?

A. Phải tạm dừng việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ đó

B. Phải báo cáo người có thẩm quyền để xem xét, xử lý

C. Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ công vụ và sau đó báo cáo người có thẩm quyền

D. Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ công vụ và tránh các hiện tượng tham nhũng, tiêu cực.

Câu 14. Công việc nào trong số những công việc sau đây có mục đích phòng ngừa tham nhũng?

A. Luân chuyển cán bộ

B. Điều động cán bộ

C. Chuyển đổi vị trí công tác

D. Biệt phái cán bộ.

Câu 15. Thời hạn chuyển đổi vị trí công tác được quy định như thế nào?

A. 02 năm

B. 05 năm

C. 02 đến 05 năm theo đặc thù của từng lĩnh vực

D. 04 năm

Câu 16. Những vị trí nào sau đây phải được chuyển đổi vị trí công tác?

A. Làm việc liên quan đến công tác tổ chức cán bộ

B. Quản lý tài chính công, tài sản công

C. Trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân khác

D. Tất cả các trường hợp trên.

Câu 17. Trường hợp nào sau đây chưa thực hiện chuyển đổi vị trí công tác?

A. Người đang bị xem xét, xử lý kỷ luật

B. Người đang bị kiểm tra, xác minh, thanh tra, điều tra, truy tố, xét xử

C. Người đang điều trị bệnh hiểm nghèo được cơ quan y tế có thẩm quyền xác nhận

D. Cả ba phương án trên.

Câu 18. Việc thanh toán không dùng tiền mặt bắt buộc đối với các khoản thu chi nào sau đây?

A. Trên 2 triệu

B. Trên 5 triệu

C. Lương hàng tháng

D. Các khoản chi lương, thưởng và chỉ khác có tính chất thường xuyên.

Câu 19. Quy định về kê khai tài sản, thu nhập có từ khi nào?

A. 1995

B. 1998

C. 2005

D. 2012

Câu 20. Cơ quan nào sau đây không phải là cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập?

A. Thanh tra Bộ, cơ quan ngang bộ

B. Thanh tra tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

C. Thanh tra Chính phủ

D. Tòa án nhân dân tối cao.

Câu 21. Người nào sau đây không phải kê khai tài sản, thu nhập?

A. Thanh tra viên

B. Giáo viên

C. Thẩm phán

D. Giám đốc bệnh viện công.

Câu 22. Người có chức vụ, quyền hạn trong tổ chức, doanh nghiệp khu vực ngoài nhà nước có bắt buộc phải kê khai tài sản thu nhập không?

A. Có

B. Không

C. Chỉ những người đứng đầu tổ chức, doanh nghiệp khu vực ngoài nhà nước mới phải kê khai.

D. Người giữ chức vụ từ Phó trưởng phòng và tương đương trở lên tại tổ chức, doanh nghiệp khu vực ngoài nhà nước phải kê khai.

Câu 23. Người có nghĩa vụ kê khai tài sản phải kê khai tài sản nào?

A. Tài sản của mình

B. Tài sản của mình và tải sản của cha, mẹ, vợ, con mình

C. Tài sản của mình, của vợ hoặc chồng và con chưa thành niên

D. Tài sản của mình và tài sản chung với vợ, chồng, con chưa thành niên.

Câu 24. Kết luận xác minh tài sản, thu nhập bao gồm những nội dung nào sau đây?

A. Tính trung thực, đầy đủ, rõ ràng của việc kê khai tài sản, thu nhập

B. Tính trung thực trong việc giải trình về nguồn gốc của tài sản, thu nhập tăng thêm

C. Kiến nghị của người có thẩm quyền xử lý vi phạm quy định pháp luật về kiểm soát tài sản, thu nhập

D. Cả ba phương án trên.

Câu 25. Cán bộ, công chức phát hiện hành vi tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị mình thì phải xử lý như thế nào?

A. Tố cáo với cơ quan thanh tra nhà nước

B. Tố cáo với cơ quan điều tra

C. Báo cáo với người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị mình

D. Cả ba phương án trên.

B. PHẦN TỰ LUẬN

Anh (chị) hãy trình bày và phân tích các giai đoạn phát triển của pháp luật về phòng, chống tham nhũng ở nước ta từ năm 1945 đến nay?

Phần trình bày

Như chúng ta đã biết, tham nhũng là vấn đề rất phức tạp, tồn tại phổ biến từ nhiều năm qua ở Việt Nam. Tham nhũng được hình thành từ nhiều nguyên nhân khách quan, chủ quan và có sự thay đổi thường xuyên, liên tục về các biểu hiện hành vi qua từng thời kỳ, từ giai đoạn đổi mới của đất nước, là một trong những trở lực lớn đối với quá trình đổi mới đất nước và làm xói mòn lòng tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, đối với sự nghiệp xây dựng đất nước, tiến lên chủ nghĩa xã hội. Nhận thức được những ảnh hưởng to lớn nói trên, nội dung về phòng, chống tham nhũng trong các kỳ Đại hội Đảng luôn là nội dung được Đảng và Nhà nước ta quan tâm hàng đầu. Qua các kỳ Đại hội Đảng, theo từng giai đoạn phát triển của đất nước, các quy định pháp luật về phòng, chống tham nhũng đã có nhiều có sự thay đổi để phù hợp với sự phát triển của kinh tế, xã hội cũng như sự hội nhập kinh tế thế giới của Việt Nam. Sau đây, tôi xin được phân tích tóm tắt quá trình và các giai đoạn phát triển của pháp luật về

phòng, chống tham nhũng từ giai đoạn năm 1945 đến nay nhằm làm rõ hơn về sự phát triển của pháp luật phòng, chống tham nhũng qua từng thời kỳ.

1. Giai đoạn 1945 đến 1986: Giai đoạn sơ khai của quy định pháp luật về phòng chống tham nhũng:

Sau khi giành chính quyền năm 1945, thiết lập nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Đảng và Nhà nước ta chủ trương vừa đẩy mạnh sản xuất, tăng cường bảo vệ Tổ quốc, vừa từng bước hoàn thiện các chính sách quản lý kinh tế, quản lý xã hội và hệ thống pháp luật nhằm chủ động phòng ngừa đấu tranh chống tội phạm, bảo đảm an ninh trật tự quốc gia. Thời kỳ này, hệ thống pháp luật của nước ta bấy giờ còn đang ấp ủ và chưa có điều kiện để xây dựng các quy định pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tuy nhiên Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sớm nhận định được tình trạng tư lợi cá nhân, lấy của công làm của riêng, do vậy sau khi đọc Tuyên ngôn độc lập, ngày 10/7/1945 Bác đã gửi thư tới Ủy ban nhân dân các kỳ, tỉnh, huyện và làng, Người nhắc nhở các cấp chính quyền ở một số nơi "cậy thế, tham ô, hủ hoá, tư túng, chia rẽ, kiêu ngạo" và căn dặn: "Việc gì có lợi cho dân ta phải hết sức làm. Việc gì có hại đến dân ta phải hết sức tránh"…từ đó đã chính thức định hình xây dựng tư tưởng về chống tham ô, lãng phí trong lòng cán bộ, nhà nước lúc bấy giờ

Đến thời kỳ cải tạo và xây dựng xã hội chủ nghĩa (1954 - 1965), Chính phủ bắt đầu ban hành một số văn bản quy định các tội có liên quan đến kinh tế như Sắc lệnh 267/SL ngày 15/6/1956 về việc trừng trị những âm mưu, hành động phá hoại tài sản xã hội chủ nghĩa; Sắc lệnh số 01-SL ngày 14/4/1957 về chống đầu cơ kinh tế. Đến ngày 21/10/1970, Pháp lệnh trừng trị các tội xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa được ban hành. Tội phạm kinh tế được hiểu chủ yếu là các hành vi trực tiếp xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa, cố ý làm trái nguyên tắc, chính sách, chế độ, thể lệ, gây thiệt hại đến tài sản xã hội chủ nghĩa, bao che cho kẻ xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa.

Mặc dù các văn bản pháp luật về phòng, chống tham nhũng thời điểm này chưa có điều kiện để xây dựng và ban hành nhưng đây được xem là giai đoạn sơ khai, bước đầu để hình thành các quy định về phòng, chống tham nhũng. Cụ thể tại Điều 3 của Pháp lệnh quy định về Nguyên tắc trừng trị các tội xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa đã quy định cụm từ về *"bọn lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội"*, đồng thời tại các điều khoản cũng đã quy định về hình thức, mức độ xử phạt đối với các tội phạm liên quan đến chức vụ, quyền hạn (như quy định tại Điều 8, Điều 12 của Pháp lệnh.)

2. Giai đoạn 1986 đến 2005: Giai đoạn hoàn thiện và ra đời đạo luật về phòng, chống tham nhũng

Năm 1985, trước yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung và tội phạm kinh tế nói riêng, ngày 27/6/1985 Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã thông qua Bộ luật Hình sự và có hiệu lực từ ngày 01/01/1986. Theo quy định tại Chương VII Bộ luật Hình sự năm 1985 thì các tội phạm kinh tế chủ yếu xâm phạm đến trật tự lưu thông, phân phối, trật tự

quản lý kinh tế, xâm phạm sở hữu trí tuệ của Nhà nước, tổ chức chính trị xã hội. Đồng thời Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ VI năm 1986 cũng đã thay chữ "tham ô" bằng chữ "tham nhũng", từ đây cuộc đấu tranh chống tham nhũng ngày càng được tiến hành mạnh mẽ và đồng bộ hơn. Trong cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên xã hội chủ nghĩa, Đảng ta nhấn mạnh: "Nhà nước có mối liên hệ thường xuyên và chặt chẽ với nhân dân,… Có cơ chế và biện pháp kiểm soát, ngăn ngừa và trừng trị quan liêu, tham nhũng, lộng hành, vô trách nhiệm. Nhằm triển khai, cụ thể hóa đường lối của Đảng, ngày 26/6/1990 Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) đã ban hành quyết định số 240/HĐBT về đấu tranh chống tham nhũng. Đây là văn bản pháp luật sớm nhất của nhà nước có thuật ngữ "tham nhũng". Tiếp đến Nghị quyết Đại hội Đảng lần VIII tiếp tục nhấn mạnh: "Tiến hành đấu tranh kiên quyết thường xuyên và có hiệu quả chống tệ nạn tham nhũng trong bộ máy nhà nước, trong các ngành, các cấp từ trung ương đến cơ sở. Kết hợp những biện pháp cấp bách….nhằm ngăn chặn, đẩy lùi và loại trừ tệ tham nhũng." Trong văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ 8 ĐCSVN có ghi: "Đấu tranh chống tham nhũng phải gắn liền với đấu tranh chống buôn lậu, lãng phí, quan liêu, tập trung vào các hành vi lạm dụng chức quyền, tham ô, làm thất thoát tài sản nhà nước, nhận hối lộ, chú ý những lĩnh vực trọng điểm như đất đai, nhà ở, xây dựng cơ bản, hợp tác đầu tư, tài chính, ngân hàng, xuất nhập khẩu, xuất nhập cảnh, hải quan,…". Tất cả các văn bản cho thấy sự quyết tâm trong công tác phòng, chống tham nhũng của Đảng và nhà nước ta. Tuy nhiên, nhìn nhận chung thì thời điểm này, các quy định về tham nhũng gần như không có sự thay đổi nhiều so với quy định tại Pháp lệnh năm 1970, các hành vi vị phạm vẫn còn chưa được cụ thể hóa, cũng như chưa quy định cụ thể mức độ vi phạm để làm căn cứ xử lý. Các quy định liên quan đến tội phạm về tham nhũng vẫn còn chưa đầy đủ để điều chỉnh các mối quan hệ xã hội và hành vi thực tế phát sinh trong xã hội thời điểm bấy giờ.

Với quyết tâm chiến đấu đẩy lùi tham nhũng trong bộ máy chính trị, tại kỳ họp Quốc hội khóa X, Quốc hội đã ban hành Pháp lệnh của Uỷ Ban Thường Vụ Quốc Hội số 2-l/CTN ngày 26 tháng 02 năm 1998 Về việc Chống tham nhũng. Pháp lệnh quy định cụ thể những điều phải làm để đấu tranh phòng, chống tham nhũng trong bộ máy nhà nước, quy định rõ nhiệm vụ của từng cá nhân, từng đơn vị vì mục đích chung là làm sạch bộ máy chính trị nước nhà. Song song với việc hoàn thiện các chế tài hình sự, việc xây dựng và ban hành Pháp lệnh riêng về phòng, chống tham nhũng là một bước tiến lớn trong hệ thống pháp luật về phòng chống tham nhũng của nhà nước ta. Trên cơ sở pháp lệnh, các cá nhân, người đứng đầu cơ quan, đơn vị tự xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của mình.

Tiếp tục hoàn thiện các quy định về phòng chống tham nhũng, đến năm 1999, thời điểm Bộ luật Hình sự 1999 ra đời các tội về tham nhũng đã được quy định rõ ràng, cụ thể với nhiều hành vi, mức độ vi phạm phù hợp với sự phát triển kinh tế, xã hội và sự hội nhập của Việt Nam thời điểm lúc bấy giờ. Cụ thể quy định tại Chương XXI Bộ luật Hình sự năm 1999 đã quy định rõ: Tội

phạm về chức vụ, đồng thời có rõ Mục A, quy định các tội phạm về tham nhũng như: Tội tham ô tài sản (Điều 278); Tội nhận hối lộ (Điều 279); Tội lạm dụng quyền hạn chiếm đoạt tài sản (Điều 280)… và một số tội về chức vụ khác là: Tội thiếu tinh thần trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng (Điều 285); Tội đưa hối lộ (Điều 289); Tội môi giới hối lộ (Điều 290); Tội lợi dụng ảnh hưởng đối với người có chức vụ, quyền hạn để trục lợi (Điều 291). Thời điểm này, quy định pháp luật đã cụ thể hóa rất nhiều hành vi liên quan đến tội phạm về tham nhũng vào quy định, đồng thời cũng quy định rõ về mức độ, tính chất vi phạm của từng hành vi để có chế tài xử lý phù hợp. Đây được xem như là một bước tiến lớn của pháp luật về phòng chống nói chung và pháp luật Việt Nam nói riêng.

Cùng với sự phát triển của kinh tế, xã hội, sau một thời gian áp dụng, Pháp lệnh chống tham nhũng 1998, đã được sửa đổi bổ sung năm 2000 còn bộc lộ nhiều hạn chế, bất cập, chưa đáp ứng được yêu cầu của cuộc đấu tranh phòng ngừa, chống tham nhũng của đất nước như: Chưa quy định đầy đủ, cụ thể về sự công khai, minh bạch của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp Nhà nước trong việc quản lý, sử dụng ngân sách, đất đai, mua sắm tài sản công, quản lý đầu tư, xây dựng, tuyển dụng, đề bạt, đào tạo, khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ, công chức; Chưa có quy định cụ thể về việc tổ chức, trách nhiệm và hoạt động phối hợp của các cơ quan thanh tra, kiểm toán Nhà nước, điều tra, Viện kiểm sát, Toà án và các cơ quan, tổ chức, đơn vị hữu quan trong phòng, chống tham nhũng; Chưa có quy định nhằm bảo đảm thực hiện nghiêm chỉnh các chế độ, định mức, tiêu chuẩn và việc xử lý đối với các trường hợp tự ý sửa đổi các chế độ, định mức, tiêu chuẩn hoặc thực hiện không đúng định mức, chế độ, tiêu chuẩn nhằm mục đích vụ lợi.

3. Giai đoạn 2005 đến 2013: các văn bản pháp luật về phòng chống tham nhũng đến trước thời điểm thông qua Hiến pháp năm 2013 (ngày 28/11/2013):

Bước vào giai đoạn xây dựng đổi mới đất nước, nạn tham nhũng càng biến hóa biến chất hơn và trở thành vấn đề lớn và nguy hiểm đối với xã đòi hỏi cần phải có một văn bản quy phạm pháp luật có tính bao phủ lớn hơn, điều chỉnh trực tiếp công tác phòng, chống tệ nạn xã hội. Từ năm 2005 đến năm 2013, nhiều văn bản, nghị quyết của Đảng liên quan đến đấu tranh phòng, chống tham nhũng được ban hành;

Tại kỳ họp thứ 8, Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XI đã thông qua Luật phòng, chống tham nhũng ngày 29 tháng 11 năm 2005 gồm 8 Chương, 92 điều và được Chủ tịch nước ký lệnh công bố số 26/2005/L/CTN ngày 09 tháng 12 năm 2005, có hiệu thi hành từ ngày 01 tháng 6 năm 2006, trên cơ sở thực tiễn xã hội và quan điểm đổi mới của Đảng và nhà nước về đấu tranh, phòng, chống tham nhũng. Việc ban hành Luật phòng, chống tham nhũng đã đánh dấu bước ngoặc mới của Việt Nam trong công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng. Trên cơ sở tổng kết công tác phòng, chống tham nhũng trong thời gian trước, kế thừa và phát huy những ưu điểm của các quy định của Pháp lệnh chống tham nhũng năm 1998, bổ sung kịp thời

các quy định mới nhằm khắc phục những hạn chế, bất cập trong thể chế và thực tiễn công tác phòng, chống tham nhũng hiện nay, Luật phòng, chống tham nhũng thể hiện quan điểm của Đảng và Nhà nước về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; về đổi mới tổ chức bộ máy, cải cách nền hành chính nhà nước; về đấu tranh phòng, chống tham nhũng trong tình hình mới. Theo đó, tiếp tục khẳng định chống tham nhũng là một trong những nhiệm vụ quan trọng của toàn Đảng, toàn dân. Việc đấu tranh phòng, chống tham nhũng phải huy động sức mạnh của toàn bộ hệ thống chính trị; khuyến khích, động viên sự tham gia tích cực của các tầng lớp nhân dân và toàn xã hội; gắn chống tham nhũng với chống lãng phí, quan liêu, buôn lậu, đặc biệt chống các hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn vì vụ lợi.

Việc ban hành Luật phòng chống tham nhũng năm 2015 khẳng định một lần nữa quan điểm của Đảng và nhà nước: *"Phải coi các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn là chủ trương chiến lược, căn bản, lâu dài trong phòng, chống tham nhũng; kết hợp giữa phòng và chống, vừa tích cực phòng ngừa, vừa xử lý nghiêm minh các hành vi tham nhũng."*

4. Giai đoạn từ năm 2013-2018: Giai đoạn hội nhập kinh tế quốc tế, tiếp tục hoàn thiện và phát triển hệ thống pháp luật về phòng, chống tham nhũng:

Thực tiễn nhiều năm thực hiện cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã làm cho tốc độ phát triển kinh tế ở nước ta tăng trưởng ở nhịp độ khá nhanh nhưng mặt trái của nó, đã làm tha hóa, hư hỏng không ít cán bộ, đảng viên (nhất là ở trong lĩnh vực kinh doanh doanh nghiệp). Hằng năm, các cơ quan chức năng đã phát hiện nhiều vụ tham nhũng, mỗi vụ làm thất thoát tài sản và vốn của Nhà nước hằng trăm, thậm chí hàng nghìn tỷ đồng, nhiều bị can, (trong đó không ít cán bộ có chức có quyền) đã bị xử lý trước tòa. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, khi những thế lực phản động luôn muốn tìm mọi cách phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản thì những kẻ tham nhũng xét ở một góc độ nào đó cũng là tiếp tay cho các thế lực phản động. Xưa nay, sự phá hoại bên trong bao giờ cũng nguy hiểm hơn sự phá hoại từ bên ngoài. Không xử lý kịp thời, đúng mức chúng ắt sẽ trở thành một nguy cơ lớn. Do đó, trong 10 năm thi hành Luật PCTN năm 2005, mặc dù công tác phòng, chống tham nhũng (PCTN) đã đạt được nhiều kết quả tích cực, quan trọng, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; giúp cải thiện môi trường kinh doanh và đạt được các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Nỗ lực PCTN của Việt Nam cũng đã được cộng đồng quốc tế ghi nhận trong khuôn khổ thực thi Công ước Liên hợp quốc về Chống tham nhũng mà Việt Nam là thành viên và các diễn đàn quốc tế khác. Tuy nhiên, tình hình tham nhũng vẫn diễn biến phức tạp, công tác phát hiện, xử lý tham nhũng chưa đáp ứng yêu cầu. Số vụ việc, vụ án tham nhũng được phát hiện còn ít, một số vụ việc xử lý còn kéo dài, chưa nghiêm, thu hồi tài sản tham nhũng đạt kết quả thấp, gây tâm lý bức xúc và hoài nghi trong xã hội về quyết tâm PCTN của Đảng và Nhà nước ta. Luật PCTN vẫn còn tồn tại các bất cập như: Quy định về công khai, minh bạch còn chưa mang tính bao quát và thiếu các biện pháp bảo đảm thực hiện, đặc biệt là

chưa làm rõ về nguyên tắc, hình thức, nội dung, thời gian, trách nhiệm thực hiện công khai, minh bạch; nội dung công khai, minh bạch theo ngành, lĩnh vực trùng lặp với quy định về công khai trong nhiều văn bản pháp luật chuyên ngành; chế độ thông tin, báo cáo, đo lường, đánh giá về công tác PCTN chưa cụ thể; quy định về trách nhiệm giải trình chưa phù hợp, còn hẹp (chỉ thực hiện đối với quyết định, hành vi có ảnh hưởng trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức), chưa toàn diện; trình tự, thủ tục và nội dung thực hiện trách nhiệm giải trình còn chưa rõ ràng, khả thi, chưa gắn với việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa khác, đặc biệt là biện pháp về công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị; Chưa quy định một cách đầy đủ, toàn diện về kiểm soát xung đột lợi ích đối với cán bộ, công chức, viên chức trong thực hiện nhiệm vụ, công vụ; một số biện pháp hiệu quả còn hạn chế như thiếu cơ chế giám sát, tiếp nhận, xử lý thông tin, phản ánh vi phạm về nhận, tặng quà; thiếu biện pháp xử lý cụ thể; chưa khắc phục được việc tặng và nhận quà đối với người thân thích của người có chức vụ, quyền hạn liên quan đến công vụ; chưa kiểm soát được hoạt động và thu nhập ngoài công vụ của người có chức vụ, quyền hạn; Các quy định về xử lý trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra hành vi tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị mình còn chưa cụ thể, rõ ràng và không khuyến khích được tính chủ động của người đứng đầu trong phòng ngừa, phát hiện hành vi tham nhũng …

Từ những thực trạnh và bất cập nói trên, Quốc hội Khóa XIV đã ban hành Luật PCTN năm 2018 gồm 10 chương, 96 điều nhằm tiếp tục quán triệt các chủ trương, nghị quyết của Đảng về PCTN, nâng cao hiệu quả trong công tác PCTN trong thời kỳ mới của nước ta. Kế thừa những ưu điểm và khắc phục những bất cập trong Luật PCTN 2005, Luật PCTN 2018 đã phần nào đáp ứng được những yêu cầu của thực tế về công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng như:

- Phù hợp với nhiều đạo luật quan trọng có liên quan đến phòng, chống tham nhũng như Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Doanh nghiệp, Bộ luật Hình sự, Bộ luật Dân sự, Bộ luật Tố tụng hình sự, Bộ luật Tố tụng dân sự… Các đạo luật này đã đưa ra nhiều quy định có liên quan như các quy định về công khai, minh bạch trong lĩnh vực tài chính, ngân sách, đấu thầu, quản lý doanh nghiệp nhà nước; các quy định về tội phạm tham nhũng và các tội phạm về chức vụ (mở rộng phạm vi điều chỉnh bao gồm cả khu vực ngoài nhà nước đối với tội tham ô, đưa hối lộ, nhận hối lộ và môi giới hối lộ; hoàn thiện cấu thành của một số nhóm tội đáp ứng yêu cầu đấu tranh chống tham nhũng; quy định trách nhiệm hình sự của pháp nhân… Quốc hội đã ban hành trong thời gian vừa qua. Phù hợp với thực thi Công ước Liên hợp quốc về Chống tham nhũng mà Việt Nam là thành viên Theo đó, cần thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng trong cả khu vực nhà nước và ngoài nhà nước một cách toàn diện, sâu sắc…

- Bổ sung nhiều quy định phù hợp với thực tiễn phát triển kinh tế xã hội của đất nước thời điểm hiện nay như: Mở rộng đối tượng phải kê khai tài sản, thu nhập; Thêm một số loại tài sản, thu nhập phải kê khai; Kê khai không trung thực có thể bị buộc thôi việc; bổ sung quy định xử lý hành vi vi phạm về: Vi phạm quy định về công khai, minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị; Vi phạm quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ; Vi phạm quy định về quy tắc ứng xử; Vi phạm quy định về xung đột lợi ích;…

Bên cạnh đó, BLHS năm 2015 ra đời, sửa đổi, bổ sung năm 2017 cũng bổ sung khái niệm các tội phạm về chức vụ, theo đó hành vi xâm phạm hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức do người có chức vụ thực hiện không chỉ trong khi thực hiện công vụ mà còn trong khi thực hiện nhiệm vụ (Điều 352). Điều này có nghĩa là phạm vi các hành vi các hành vi nguy hiểm cho xã hội bị coi là tội phạm không chỉ đối với những người là cán bộ, công chức, viên chức mà còn là những hành vi của những người làm việc trong các doanh nghiệp, công ty ngoài khu vực nhà nước. Chủ thể thực hiện tội phạm tham nhũng được mở rộng sang khu vực ngoài Nhà nước được áp dụng cho 4 tội danh là: "Tội tham ô tài sản", "Tội nhận hối lộ", "Tội môi giới hối lộ" và "Tội đưa hối lộ", trong đó có 2 tội danh tham nhũng là: "Tội tham ô tài sản" (khoản 6, Điều 353) và "Tội nhận hối lộ" (khoản 6, Điều 354). Việc bổ sung này thể hiện sự tương thích hơn với pháp luật quốc tế (Công ước của Liên Hợp Quốc về chống tham nhũng); đảm bảo sự bình đẳng hơn trong việc xử lý các hành vi tham nhũng bị coi là tội phạm giữa khu vực công và khu vực tư, đặc biệt là bổ sung việc xử lý hình sự đối với hành vi hối lộ công chức nước ngoài, công chức các tổ chức quốc tế công (ví dụ như: khoản 6 Điều 364).

Như vậy, các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng trong giai đoạn này đã được xây dựng, sửa đổi, thay thế kịp thời để phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh xã hội, với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách hình sự của Nhà nước ta.

5. Giai đoạn 2018 đến nay: tiếp tục không ngừng đẩy mạnh công tác PCTN trong mọi lĩnh vực:

Từ sau Luật phòng chống tham nhũng 2018 được ban hành và áp dụng đến nay, Đảng và Nhà nước vẫn không ngừng nỗ lực đẩy mạnh công tác PCTN, điển hình là việc nhanh chóng, kiên quyết xử lý các vụ án tham nhũng lớn và hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về PCTN. Từ 2018 đến nay, điểm CPI của Việt Nam có xu hướng cải thiện khá tích cực. Điều này phản ánh kết quả các nỗ lực của Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam trong việc đẩy mạnh công tác phòng, chống tham nhũng, đặc biệt là việc truy tố, xét xử hàng loạt vụ án tham nhũng lớn.

Tham nhũng từ trước đến nay luôn là một "căn bệnh" nguy hiểm của xã hội, để có thể phòng ngừa, đẩy lùi, chữa khỏi được nó bên cạnh việc hoàn thiện hệ thống pháp luật còn phải phải tiến hành đồng bộ nhiều giải pháp xóa bỏ chế độ tư hữu, cùng đối kháng giai cấp; đồng thời, ngày càng hoàn thiện bản chất "người" để lao động, cống hiến trở thành nhu cầu, mục đích cao nhất trong hoạt

động của mỗi người, đặc biệt là những cá nhân, bộ phận được giao cho nắm giữ những trọng trách xã hội nhất định.

Pháp Việt Nam quả thực đã có sự chuyển mình rõ rệt, trải qua những thăng trầm, để ngày càng hoàn thiện, bản hiến pháp sau ra đời là sự kế thừa và phát huy bản hiến pháp trước để phù hợp với điều kiện kinh tế, văn hóa xã hội của mỗi giai đoạn khác nhau. Trong tương lai, kĩ thuật lập pháp Việt Nam sẽ ngày càng phát triển và hoàn thiện trên cơ sở kế thừa và phát triển để đáp ứng yêu cầu khách quan trong nước. Tuy nhiên, vẫn phải tiếp tục đấu tranh không ngừng đối với tham nhũng. Đặc biệt cần tiếp tục chú trọng nâng cao đạo đức người cán bộ trong các cơ quan nhà nước.

Các cơ quan thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử đã nỗ lực, tập trung lực lượng, tăng cường phối hợp trong phát hiện, điều tra, xử lý các vụ án, vụ việc về tham nhũng; nhiều vụ án tham nhũng, kinh tế nghiêm trọng, phức tạp mà dư luận xã hội đặc biệt quan tâm đã được tập trung đẩy nhanh tiến độ điều tra, truy tố, xét xử. Việc xét xử được đổi mới theo hướng công khai, dân chủ, minh bạch, theo đúng quy định của pháp luật, không có vùng cấm, không có ngoại lệ, không có đặc quyền, nghiêm minh, thấu tình đạt lý, được Nhân dân đồng tình, ủng hộ, đánh giá cao.